

TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ HỘ TỊCH

PHẦN 1: Lý thuyết, với các nội dung liên quan đến các vấn đề chung về hộ tịch, đăng ký các việc hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện; việc quản lý sử dụng Sổ hộ tịch.

Câu 1. Nội dung đăng ký hộ tịch được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 3 Luật hộ tịch quy định về nội dung đăng ký hộ tịch như sau:

1. Xác nhận vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch:

- Khai sinh;
- Kết hôn;
- Giám hộ;
- Nhận cha, mẹ, con;
- Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch;
- Khai tử.

2. Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- Thay đổi quốc tịch;
- Xác định cha, mẹ, con;
- Xác định lại giới tính;
- Nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi;
- Ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn;
- Công nhận giám hộ;
- Tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

3. Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện khai sinh; kết hôn; ly hôn; hủy việc kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

4. Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo quy định của pháp luật.

Câu 2. Trích lục hộ tịch; Thay đổi hộ tịch; Cải chính hộ tịch; Bổ sung hộ tịch là gì?

Trả lời:

Khoản 9, 10, 12, 13, Điều 4 Luật Hộ tịch quy định:

- Trích lục hộ tịch là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp nhằm chứng minh sự kiện hộ tịch của cá nhân đã đăng ký tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Bản chính trích lục hộ tịch được cấp ngay sau khi sự kiện hộ tịch được đăng ký. Bản sao trích lục hộ tịch bao gồm bản sao trích lục hộ tịch được cấp từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch và bản sao trích lục hộ tịch được chứng thực từ bản chính.

- Thay đổi hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thay đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân khi có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật dân sự hoặc thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký theo quy định của pháp luật.

- Cải chính hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có sai sót khi đăng ký hộ tịch.

- Bổ sung hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin hộ tịch còn thiếu cho cá nhân đã được đăng ký.

Câu 3. Việc đăng ký hộ tịch được thực hiện theo những nguyên tắc nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 5 Luật hộ tịch, việc đăng ký hộ tịch được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Tôn trọng và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân.

2. Mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác; trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật thì người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Đối với những việc hộ tịch mà Luật hộ tịch không quy định thời hạn giải quyết thì được giải quyết ngay trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

4. Mỗi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký tại một cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền theo quy định của Luật hộ tịch.

Cá nhân có thể được đăng ký hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch nơi thường trú, tạm trú hoặc nơi đang sinh sống. Trường hợp cá nhân không đăng ký tại nơi thường trú thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan đại diện nơi đã đăng ký hộ tịch cho cá nhân có trách nhiệm thông báo việc đăng ký hộ tịch đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đó thường trú.

5. Mọi sự kiện hộ tịch sau khi đăng ký vào Sổ hộ tịch phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

6. Nội dung khai sinh, kết hôn, ly hôn, khai tử, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại giới tính, xác định lại dân tộc của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch là thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch thủ tục đăng ký hộ tịch.

Câu 4. Cá nhân có những quyền và nghĩa vụ gì khi đăng ký hộ tịch?

Trả lời:

Điều 6 Luật hộ tịch quy định khi đăng ký hộ tịch cá nhân có những quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch.

Quy định này cũng được áp dụng đối với công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Trường hợp kết hôn, nhận cha, mẹ, con thì các bên phải trực tiếp thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Đối với các việc đăng ký hộ tịch khác hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thì người có yêu cầu trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện.

3. Người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thông qua người đại diện theo pháp luật.

Câu 5. Luật hộ tịch nghiêm cấm các hành vi nào? Trong trường hợp thực hiện hành vi vi phạm điều cấm thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

1. Nghiêm cấm cá nhân thực hiện các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; làm hoặc sử dụng giấy tờ giả, giấy tờ của người khác để đăng ký hộ tịch;

b) Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch;

c) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đăng ký hộ tịch;

d) Cam đoan, làm chứng sai sự thật để đăng ký hộ tịch;

đ) Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ hộ tịch hoặc thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch;

e) Đưa hối lộ, mua chuộc, hứa hẹn lợi ích vật chất, tinh thần để được đăng ký hộ tịch;

g) Lợi dụng việc đăng ký hộ tịch hoặc trốn tránh nghĩa vụ đăng ký hộ tịch nhằm động cơ vụ lợi, hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước hoặc trục lợi dưới bất kỳ hình thức nào;

h) Người có thẩm quyền quyết định đăng ký hộ tịch thực hiện việc đăng ký hộ tịch cho bản thân hoặc người thân thích theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

i) Truy cập trái phép, trộm cắp, phá hoại thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

2. Xử lý trường hợp thực hiện hành vi vi phạm điều cấm như sau:

a) Giấy tờ hộ tịch được cấp cho trường hợp đăng ký hộ tịch vi phạm quy định tại các điểm a, d, đ, g và h điểm 1 Câu này đều không có giá trị và phải thu hồi, huỷ bỏ.

b) Cá nhân thực hiện hành vi quy định tại điểm 1 Câu này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm quy định tại điểm 1 Câu này, ngoài bị xử lý như trên còn bị xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức.

Câu 6. Phương thức yêu cầu và tiếp nhận yêu cầu đăng ký hộ tịch được quy định như thế nào?

Trả lời:

Phương thức yêu cầu và tiếp nhận yêu cầu đăng ký hộ tịch được quy định như sau:

1. Khi yêu cầu đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan đăng ký hộ tịch hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến.

2. Khi làm thủ tục đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch, cá nhân xuất trình giấy tờ chứng minh nhân thân cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh nhân thân.

3. Đối với những việc đăng ký hộ tịch có quy định thời hạn giải quyết, thì người tiếp nhận hồ sơ phải viết giấy tiếp nhận; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ thì phải hướng dẫn bằng văn bản để người đi đăng ký hộ tịch bổ sung, hoàn thiện. Văn bản hướng dẫn phải ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ bổ sung.

Trường hợp người có yêu cầu nộp hồ sơ không đúng cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người đi đăng ký hộ tịch đến cơ quan có thẩm quyền để nộp hồ sơ.

Câu 7. Việc thu lệ phí, miễn lệ phí hộ tịch được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;

- Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

2. Cá nhân yêu cầu đăng ký sự kiện hộ tịch khác ngoài các trường hợp được miễn nêu trên, yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch phải nộp lệ phí theo quy định.

Câu 8. Thời hạn đăng ký khai sinh được quy định như thế nào? Ai là người có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho trẻ em?

Trả lời:

Điều 15 Luật Hộ tịch quy định: Thời hạn đăng ký khai sinh là 60 ngày kể từ ngày trẻ em được sinh ra.

Cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em. Trường hợp những người này không thể trực tiếp đi đăng ký được thì có thể ủy quyền cho người khác thực hiện.

Trong trường hợp ủy quyền, giấy ủy quyền phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật. Người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc được ủy quyền mà không được ủy quyền lại cho người khác.

Câu 9. Hãy cho biết giá trị pháp lý của Giấy khai sinh?

Trả lời:

Điều 6 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định về giá trị pháp lý của Giấy khai sinh như sau:

1. Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân.

2. Mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với Giấy khai sinh của người đó.

3. Trường hợp nội dung trong hồ sơ, giấy tờ của cá nhân khác với nội dung trong Giấy khai sinh thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp giấy tờ có trách nhiệm điều chỉnh hồ sơ, giấy tờ theo đúng nội dung trong Giấy khai sinh.

Câu 10. Việc đăng ký khai sinh bao gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Nội dung đăng ký khai sinh gồm:

- Thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch;

- Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú;

- Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh.

Câu 11. Thủ tục đăng ký khai sinh tại UBND cấp xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký khai sinh tại UBND cấp xã được quy định như sau:

- Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật.

- Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân.

Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

Câu 12. Đề nghị cho biết khi phát hiện trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, cá nhân, tổ chức phải làm gì để đăng ký khai sinh cho trẻ em?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP về đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi thì:

1. Người phát hiện trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm bảo vệ trẻ và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi. Trường hợp trẻ bị bỏ rơi tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo.

Ngay sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thủ trưởng cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi và tìm cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng.

Biên bản phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm phát hiện trẻ bị bỏ rơi; giới tính; đặc điểm nhận dạng, tài sản và đồ vật khác của trẻ (nếu có); họ, tên, giấy tờ chứng minh nhân thân, nơi cư trú của người phát hiện trẻ bị bỏ rơi. Biên bản phải có đủ chữ ký của người lập biên bản, người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng nếu có, đóng dấu xác nhận của cơ quan lập Biên bản.

Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại cơ quan lập Biên bản, một bản giao cho cá nhân hoặc tổ chức được giao tạm thời nuôi dưỡng trẻ.

2. Sau khi lập biên bản, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 7 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi.

3. Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ. Cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em.

Việc xác định họ, chữ đệm, tên của trẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự. Nếu không có cơ sở để xác định ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh của trẻ thì lấy ngày, tháng phát hiện trẻ bị bỏ rơi là ngày, tháng sinh và căn cứ vào thể trạng của trẻ để xác định năm sinh; nơi sinh là nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi; quê quán được xác định theo nơi sinh; quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam. Phần khai về cha, mẹ của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ hộ tịch để trống; trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ bị bỏ rơi”.

Câu 13: Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em khi chưa xác định được cha, mẹ được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP về đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha mẹ thì thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em trong trường hợp chưa xác định được cha, mẹ được thực hiện như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.

2. Trường hợp chưa xác định được người cha của trẻ em khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc,

quê quán, quốc tịch của người mẹ; phần ghi về người cha trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh để trống.

Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì Ủy ban nhân dân kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh; nội dung đăng ký khai sinh được ghi đầy đủ và xác định giống như trường hợp đăng ký khai sinh đã xác định được cả cha và mẹ.

3. Trường hợp chưa xác định được người mẹ mà khi đăng ký khai sinh, người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì Ủy ban nhân dân kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh, phần khai về người mẹ trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh để trống.

4. Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ mà không thuộc diện bị bỏ rơi, chưa xác định được cả cha và mẹ thì việc xác định họ, chữ đệm, tên của trẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam. Phần khai về cha, mẹ và dân tộc của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ hộ tịch để trống; Trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ”.

Câu 14. Việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam hoặc cha và mẹ đều là công dân Việt Nam, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam, được thực hiện theo hướng dẫn sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của trẻ em có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là công dân Việt Nam, thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài mà chưa được đăng ký khai sinh.

2. Người yêu cầu đăng ký khai sinh xuất trình giấy tờ chứng minh việc trẻ em cư trú tại Việt Nam gồm: giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh vào Việt Nam như: (hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam.

Ngoài ra, người yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp các giấy tờ sau đây:

- Tờ khai theo mẫu quy định;

- Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con nếu có;

- Văn bản thỏa thuận của cha mẹ lựa chọn quốc tịch cho con đối với trường hợp trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, người kia là công dân nước ngoài.

3. Trường hợp không có giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con thì thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em theo thủ tục trẻ chưa xác định được cha, mẹ.

4. Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, Phòng Tư pháp kiểm tra hồ sơ. Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác và đúng quy định pháp luật thì đăng ký theo trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện tại UBND cấp huyện.

Nội dung khai sinh được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định 123/2015/NĐ-CP.

Họ, chữ đệm, tên của trẻ được xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự

Việc xác định quốc tịch của trẻ em để ghi vào Giấy khai sinh thực hiện theo quy định pháp luật về quốc tịch.

Câu 15. Việc đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Trường hợp công dân Việt Nam cư trú trong nước, sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 mà chưa được đăng ký khai sinh nhưng có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (bản chính hoặc bản sao được chứng thực hợp lệ) như: giấy tờ tùy thân (hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng); Sổ hộ khẩu; Sổ tạm trú; giấy tờ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp và có yêu cầu đăng ký khai sinh thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó cư trú thực hiện việc đăng ký khai sinh.

2. Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh, nếu có hồ sơ, giấy tờ cá nhân như quy định trên, trong đó ghi nơi sinh tại Việt Nam và có yêu cầu đăng ký khai sinh thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của người đó thực hiện việc đăng ký khai sinh.

3. Hồ sơ đăng ký khai sinh đối với các trường hợp trên gồm có:

- Tờ khai đăng ký khai sinh,
- Văn bản cam đoan về việc chưa được đăng ký khai sinh;

- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có các thông tin liên quan đến nội dung khai sinh của người đó;

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì ngoài các giấy tờ nêu trên phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.

Trình tự giải quyết, nội dung đăng ký khai sinh được thực hiện tương tự quy định về đăng ký lại khai sinh

Câu 16. Các giấy tờ, tài liệu nào là cơ sở đăng ký lại khai sinh?

Trả lời:

Giấy tờ, tài liệu là cơ sở đăng ký lại khai sinh gồm:

1. Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ.

2. Bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam.

3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ nêu trên thì giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ sau đây là cơ sở để xác định nội dung đăng ký lại khai sinh:

a) Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

b) Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú;

c) Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan đào tạo, quản lý giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận;

d) Giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân;

đ) Giấy tờ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.

Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có. Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh cam đoan không đúng sự thật, cố ý chỉ nộp bản sao giấy tờ có lợi để đăng ký lại khai sinh thì việc đăng ký lại khai sinh không có giá trị pháp lý.

Tường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh.

Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ theo quy định và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.

Câu 17. Theo quy định của pháp luật hộ tịch thì chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con được quy định như thế nào?

Trả lời:

Chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:

1. Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.

2. Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.

Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm giải thích rõ trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan, làm chứng không đúng sự thật.

Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan, làm chứng không đúng sự thật.

Câu 18. Pháp luật hộ tịch quy định việc đăng ký nhận cha, mẹ, con, bổ sung hộ tịch trong một số trường hợp đặc biệt như thế nào?

Trả lời:

Việc đăng ký nhận cha, mẹ, con, bổ sung hộ tịch trong một số trường hợp đặc biệt được thực hiện như sau:

1. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, sinh con, người con sống cùng với người cha, khi người cha làm thủ tục nhận con mà không liên hệ được với người mẹ thì không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con.

Nếu có Giấy chứng sinh và giấy tờ tùy thân của người mẹ thì phần khai về người mẹ được ghi theo Giấy chứng sinh và giấy tờ tùy thân của người mẹ. Nếu không có Giấy chứng sinh và giấy tờ tùy thân của người mẹ thì ghi theo thông tin do người cha cung cấp, người cha chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp.

2. Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, đã được đăng ký khai sinh không có thông tin về người cha, vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con

mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con.

3. Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, chưa được đăng ký khai sinh mà khi đăng ký khai sinh, vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì thông tin về người cha được ghi ngay vào Giấy khai sinh của người con mà không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con.

Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm giải thích rõ về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cung cấp thông tin về người mẹ, lập văn bản thừa nhận con chung không đúng sự thật.

Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định các thông tin cung cấp cho cơ quan đăng ký hộ tịch không đúng sự thật.

Trường hợp con do người vợ sinh ra hoặc có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng vợ hoặc chồng không thừa nhận là con chung hoặc người khác muốn nhận con thì do Tòa án nhân dân xác định theo quy định pháp luật.

Trường hợp Tòa án nhân dân từ chối giải quyết thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha hoặc đăng ký nhận cha, con, hồ sơ phải có văn bản từ chối giải quyết của Tòa án và chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con (là văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con).

Câu 19. Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký hộ tịch trong những trường hợp nào?

Trả lời: Khoản 2, Điều 7, Luật Hộ tịch quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký hộ tịch trong các trường hợp sau:

- Đăng ký sự kiện hộ tịch có yếu tố nước ngoài, bao gồm: Khai sinh; Kết hôn; Giám hộ; Nhận cha, mẹ, con; Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch; Khai tử.

- Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc;

- Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện: khai sinh; kết hôn; ly hôn; hủy việc kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

* **Trừ trường hợp:** Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại khu vực biên giới, còn người kia là công dân của nước láng giềng thường trú tại khu vực biên giới với Việt

Nam; kết hôn, nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam; khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định lâu dài tại khu vực biên giới của Việt Nam.

Câu 20. Thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như sau:

- Hai bên nam, nữ nộp tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu quy định cho cơ quan đăng ký hộ tịch và cùng có mặt khi đăng ký kết hôn.

- Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

Đối với trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày làm việc.

Câu 21. Giấy chứng nhận kết hôn bao gồm những thông tin gì?

Trả lời:

Giấy chứng nhận kết hôn phải có các thông tin sau đây:

- Họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; thông tin về giấy tờ chứng minh nhân thân của hai bên nam, nữ;

- Ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn;

- Chữ ký hoặc điểm chỉ của hai bên nam, nữ và xác nhận của cơ quan đăng ký hộ tịch.

Câu 22. Thủ tục đăng ký giám hộ cử tại UBND cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký giám hộ cử tại UBND cấp xã được thực hiện như sau:

- Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Câu 23. Thủ tục đăng ký giám hộ đương nhiên tại UBND cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký giám hộ đương nhiên tại UBND cấp xã được thực hiện như sau:

- Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên.

- Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Câu 24. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ tại UBND cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ tại UBND cấp xã được thực hiện như sau:

- Người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ nộp tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu quy định và giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc chấm dứt giám hộ đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi việc chấm dứt giám hộ vào Sổ hộ tịch, cùng người đi đăng ký chấm dứt giám hộ ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Câu 25. Việc đăng ký nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc đăng ký nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp xã được thực hiện như sau:

1. Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộ tờ khai theo mẫu quy định và chứng cứ chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người đăng ký nhận cha, mẹ, con ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

Câu 26. Phạm vi thay đổi hộ tịch được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Phạm vi thay đổi hộ tịch được pháp luật quy định như sau:

- Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự.

- Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

Câu 27. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch trong những trường hợp nào?

Trả lời:

UBND cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

Câu 28. Việc đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như sau:

- Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nộ tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn.

Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

- Trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì UBND cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến UBND nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.

Trường hợp nơi đăng ký hộ tịch trước đây là Cơ quan đại diện thì UBND cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch.

Câu 29. Thủ tục bổ sung hộ tịch tại UBND cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục bổ sung hộ tịch tại UBND cấp xã được thực hiện như sau:

- Người yêu cầu bổ sung hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy yêu cầu bổ sung hộ tịch là đúng, công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi nội dung bổ sung vào mục tương ứng trong Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trường hợp bổ sung hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi nội dung bổ sung vào mục tương ứng và đóng dấu vào nội dung bổ sung.

Câu 30. Thẩm quyền, thủ tục đăng ký khai tử của UBND cấp xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

- UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì UBND cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử.

- Thủ tục đăng ký khai tử tại UBND cấp xã được quy định như sau:

+ Người có trách nhiệm đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

+ Ngay sau khi nhận giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi nội dung khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người đi khai tử ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người đi khai tử.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch khóa thông tin hộ tịch của người chết trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Câu 31. Thời hạn đăng ký khai tử được quy định như thế nào? Ai là người có trách nhiệm đăng ký khai tử?

Trả lời:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc khai tử cho người chết; trường hợp không xác định được người có trách nhiệm đi khai tử thì công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện đăng ký khai tử.

Câu 32. UBND cấp huyện thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em trong những trường hợp nào?

Trả lời:

UBND cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em trong các trường hợp sau đây:

- Trẻ em được sinh ra tại Việt Nam:

+ Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch;

+ Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch;

- Trẻ em được sinh ra ở nước ngoài chưa được đăng ký khai sinh về cư trú tại Việt Nam:

+ Có cha và mẹ là công dân Việt Nam;

+ Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam.

Câu 33. Thủ tục đăng ký khai sinh ở UBND cấp huyện được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký khai sinh ở UBND được thực hiện như sau:

- Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật. Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc chọn quốc tịch cho con.

Trường hợp cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con thì văn bản thỏa thuận phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài mà người đó là công dân.

- Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch; trường hợp trẻ em có quốc tịch nước ngoài thì không ghi Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh.

Công chức làm công tác hộ tịch, người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

Câu 34. UBND cấp huyện có thẩm quyền đăng ký kết hôn trong những trường hợp nào?

Trả lời:

UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài.

Trường hợp người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì UBND cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên thực hiện đăng ký kết hôn.

Câu 35. Thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện như sau:

1. Hai bên nam, nữ nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận người đó không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp thêm giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định trên, công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm xác minh, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết.

3. Khi đăng ký kết hôn cả hai bên nam, nữ phải có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân, công chức làm công tác hộ tịch hỏi ý kiến hai bên nam, nữ, nếu các bên tự nguyện kết hôn thì ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

Câu 36: Đề nghị cho biết việc tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn tại UBND cấp huyện được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP thì việc tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn tại UBND cấp huyện được thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận kết hôn, Phòng Tư pháp tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

2. Việc trao, nhận Giấy chứng nhận kết hôn được thực hiện như sau: Khi đăng ký kết hôn cả hai bên nam, nữ phải có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân, công chức làm công tác hộ tịch hỏi ý kiến hai bên nam, nữ, nếu các bên tự nguyện kết hôn thì ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

Giấy chứng nhận kết hôn có giá trị kể từ ngày được ghi vào sổ và trao cho các bên theo quy định.

3. Trường hợp một hoặc hai bên nam, nữ không thể có mặt để nhận Giấy chứng nhận kết hôn mà có lý do chính đáng thì theo đề nghị bằng văn bản của họ, Phòng Tư pháp gia hạn thời gian trao Giấy chứng nhận kết hôn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng

nhận kết hôn. Hết thời hạn 60 ngày mà hai bên nam, nữ không đến nhận Giấy chứng nhận kết hôn thì Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn đã ký.

Nếu sau đó hai bên nam, nữ vẫn muốn kết hôn với nhau thì phải tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn từ đầu.

Câu 37. UBND cấp huyện thực hiện đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ trong những trường hợp nào?

Trả lời:

UBND cấp huyện nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ thực hiện đăng ký giám hộ giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài cùng cư trú tại Việt Nam.

UBND cấp huyện nơi đã đăng ký giám hộ thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ.

Câu 38. Thủ tục đăng ký giám hộ cử ở UBND cấp huyện được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký giám hộ cử ở UBND cấp huyện được quy định như sau:

- Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai theo mẫu quy định và văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, công chức làm công tác hộ tịch xác minh, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện cấp trích lục cho người yêu cầu.

Câu 39. UBND cấp huyện có thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ, con trong những trường hợp nào?

Trả lời:

UBND cấp huyện nơi cư trú của người được nhận là cha, mẹ, con thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài; giữa người nước ngoài với nhau mà một hoặc cả hai bên thường trú tại Việt Nam.

Câu 40. Việc đăng ký nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp huyện được thực hiện theo thủ tục nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp huyện được thực hiện như sau:

- Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ, đồ vật hoặc các chứng cứ khác để chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau thì người nước ngoài phải nộp thêm bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu để chứng minh về nhân thân.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, công chức làm công tác hộ tịch xác minh, niêm yết việc nhận cha, mẹ, con tại trụ sở UBND cấp huyện trong thời gian 07 ngày liên tục, đồng thời gửi văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con niêm yết trong thời gian 07 ngày liên tục tại trụ sở UBND cấp xã.

- Phòng Tư pháp báo cáo và đề xuất Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định việc đăng ký nhận cha, mẹ, con, nếu thấy đủ điều kiện thì Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết.

- Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt; công chức làm công tác hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng các bên ký vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch UBND cấp huyện cấp trích lục cho các bên.

Câu 41. UBND cấp huyện có thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc trong những trường hợp nào ?

Trả lời:

UBND cấp huyện có thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc trong những trường hợp sau:

- UBND cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của người nước ngoài có thẩm quyền giải quyết việc cải chính, bổ sung hộ tịch đối với người nước ngoài đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- UBND cấp huyện nơi người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã đăng ký hộ tịch trước đây có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.

- UBND cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc.

Câu 42. Thẩm quyền ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được quy định như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cá nhân đã đăng ký kết hôn hoặc ghi chú việc kết hôn trước đây ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của cá nhân đã thực hiện ở nước ngoài.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người có trách nhiệm khai tử ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Câu 43. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử được quy định ra sao?

Trả lời:

Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử được quy định như sau :

- Người yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh các việc này đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, công chức làm công tác hộ tịch kiểm tra, nếu thấy yêu cầu là phù hợp thì ghi vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.

Câu 44. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn được pháp luật về hộ tịch quy định như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn được quy định như sau :

- Người yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn nộp tờ khai theo mẫu quy định và bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh các việc này đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, công chức làm công tác hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trích lục cho người yêu cầu.

Câu 45. Thẩm quyền đăng ký khai tử tại UBND cấp huyện được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền đăng ký khai tử tại UBND cấp huyện được quy định như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử cho người nước ngoài hoặc công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài chết tại Việt Nam.

- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử.

Câu 46. Việc đăng ký khai tử tại UBND cấp huyện được thực hiện theo thủ tục nào?

Trả lời:

Thủ tục đăng ký khai tử tại UBND cấp huyện được thực hiện như sau:

- Người đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức làm công tác hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi khai tử ký vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trích lục hộ tịch cho người đi khai tử.

Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.

- Sau khi đăng ký khai tử, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục hộ tịch cho Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước mà người chết là công dân.

Trường hợp người chết là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài thì công chức làm công tác hộ tịch khóa thông tin của người chết trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Câu 47. Theo Luật Hộ tịch thì cơ sở dữ liệu hộ tịch được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Cơ sở dữ liệu hộ tịch là nơi lưu giữ toàn bộ thông tin hộ tịch của mọi cá nhân, làm cơ sở để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, phục vụ yêu cầu tra cứu thông tin, quản lý, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cơ sở dữ liệu hộ tịch bao gồm Sổ hộ tịch và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, là căn cứ để cấp bản sao trích lục hộ tịch.

Câu 48. Sổ hộ tịch là gì? Việc sử dụng Sổ hộ tịch được quy định ra sao?

Trả lời:

- Sổ hộ tịch là sổ giấy được lập và lưu giữ tại cơ quan đăng ký hộ tịch để xác nhận hoặc ghi các sự kiện hộ tịch.

- Việc sử dụng Sổ hộ tịch được quy định như sau :

+ Sổ hộ tịch là căn cứ pháp lý để lập, cập nhật, điều chỉnh thông tin hộ tịch của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Mỗi loại việc hộ tịch phải được ghi vào 01 quyển sổ, các trang phải đóng dấu giáp lai; Sổ hộ tịch được lưu giữ vĩnh viễn theo quy định của pháp luật.

+ Việc khóa Sổ hộ tịch được thực hiện vào ngày cuối cùng của năm. Khi khóa Sổ hộ tịch phải ghi rõ tổng số trang và tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký; người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch ký, đóng dấu.

+ Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản Sổ hộ tịch, giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác liên quan đến đăng ký hộ tịch.

Câu 49. Việc ghi sổ, giấy tờ hộ tịch phải thực hiện theo nguyên tắc nào?

Trả lời:

Việc ghi sổ, giấy tờ hộ tịch phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, công chức làm công tác hộ tịch của Phòng Tư pháp, viên chức ngoại giao, lãnh sự phải tự mình ghi vào Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch. Nội dung ghi phải chính xác; chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa; viết bằng loại mực tốt, cùng một màu; không dùng các màu mực khác nhau; không dùng mực đỏ.

Trường hợp ứng dụng công nghệ thông tin để in giấy tờ hộ tịch trên máy thì phải in bằng loại mực tốt, màu đen, không bị nhòe, mất nét hoặc phai màu.

2. Sổ hộ tịch phải được đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối cùng ngay từ khi mở sổ. Sổ được ghi liên tiếp theo thứ tự từng trang, không được bỏ trống.

3. Số đăng ký trong năm trên mỗi loại Sổ hộ tịch phải được ghi liên tục theo thứ tự, bắt đầu từ số 01 cho đến hết năm. Trường hợp chưa hết năm mà hết sổ thì sử dụng sang quyển sổ khác và ghi tiếp theo số thứ tự cuối cùng của sổ trước, không được ghi lại từ số 01.

Ví dụ: Sổ đăng ký khai sinh năm 2016, quyển 1 dùng hết với số cuối cùng (của trang cuối cùng) là 200 thì khi chuyển sang quyển 2, lấy số tiếp theo là 201.

4. Số ghi trên giấy tờ hộ tịch của cá nhân phải trùng với số đăng ký ghi trong Sổ hộ tịch theo quy định.

5. Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn; ngày, tháng, năm được ghi theo dương lịch.

6. Khi ghi vào Sổ hộ tịch, phải ghi theo đúng nội dung của giấy tờ hộ tịch; những nội dung trong Sổ hộ tịch có mà trong giấy tờ hộ tịch không có thì để trống, những nội dung trong giấy tờ hộ tịch có nhưng trong Sổ hộ tịch không có thì ghi vào mục “Ghi chú” của Sổ hộ tịch.

Trường hợp nội dung thông tin hộ tịch trên giấy tờ hộ tịch, Sổ hộ tịch chưa xác định được thì để trống, không được gạch chéo hoặc đánh dấu.

Câu 50. Việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được ghi vào Sổ hộ tịch như thế nào?

Trả lời:

Việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được ghi vào Sổ hộ tịch như sau:

- Việc thay đổi quốc tịch được ghi vào mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh; việc thay đổi này cũng được ghi vào mục “Ghi chú” trong các Sổ hộ tịch khác mà người thay đổi quốc tịch đã đăng ký hộ tịch;

- Việc xác định cha, mẹ, con được ghi vào mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh của người con;

- Việc xác định lại giới tính được ghi vào mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh của người được xác định lại giới tính;

- Việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi;

- Việc ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn được ghi vào mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký kết hôn;
- Việc công nhận giám hộ được ghi vào Sổ đăng ký giám hộ;
- Việc tuyên bố hoặc huỷ tuyên bố một người mất tích, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự được ghi vào mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh;
- Việc tuyên bố hoặc huỷ tuyên bố một người đã chết được ghi vào Sổ đăng ký khai tử.

Cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch đang lưu trữ Sổ hộ tịch có trách nhiệm thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch ngay sau khi nhận được bản án, quyết định.

Trường hợp Sổ hộ tịch được lưu trữ tại 2 cấp thì cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch nhận được bản án, quyết định, sau khi ghi vào Sổ hộ tịch, có trách nhiệm thông báo tiếp cho cơ quan đang lưu trữ Sổ hộ tịch còn lại để ghi vào Sổ hộ tịch, bảo đảm cập nhật đồng bộ.

Câu 51. Việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài được ghi vào Sổ hộ tịch như thế nào?

Trả lời:

Việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài được ghi vào Sổ hộ tịch như sau:

- Việc khai sinh được ghi vào Sổ đăng ký khai sinh;
- Việc kết hôn được ghi vào Sổ đăng ký kết hôn;
- Việc giám hộ được ghi vào Sổ đăng ký giám hộ;
- Việc nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con được ghi vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con. Trường hợp người con đã được đăng ký khai sinh tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đã đăng ký khai sinh ghi chú tiếp vào Sổ đăng ký khai sinh;
- Việc nuôi con nuôi được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi;
- Việc thay đổi hộ tịch được ghi vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc và ghi chú tiếp vào Sổ đăng ký các việc hộ tịch khác;
- Việc ly hôn, hủy việc kết hôn được ghi vào Sổ ghi chú ly hôn. Nếu việc kết hôn, ghi chú kết hôn trước đây thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đã đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn để ghi chú tiếp vào Sổ đăng ký kết hôn;
- Việc khai tử được ghi vào Sổ đăng ký khai tử.

Câu 52. Cách ghi địa danh hành chính trên giấy tờ hộ tịch, Sổ hộ tịch khi có sự thay đổi về địa danh hành chính được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Khi có sự thay đổi về địa danh hành chính thì phần ghi địa danh hành chính trên giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch được ghi theo địa danh hành chính tại thời điểm đăng ký.

2. Khi cấp bản sao Trích lục hộ tịch, phần ghi địa danh hành chính trong bản sao Trích lục hộ tịch phải theo đúng địa danh hành chính đã đăng ký trong Sổ hộ tịch.

Câu 53. Cách sửa chữa sai sót khi ghi Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc sửa chữa sai sót khi ghi Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch được thực hiện như sau:

1. Khi đăng ký hộ tịch, nếu có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa.

Trường hợp có sai sót bỏ trống trang sổ thì công chức làm công tác hộ tịch phải gạch chéo vào trang bỏ trống.

Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên.

Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, cho phép đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót.

Công chức làm công tác hộ tịch không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong Sổ hộ tịch.

2. Khi đăng ký hộ tịch, nếu có sai sót trên giấy tờ hộ tịch thì công chức làm công tác hộ tịch phải hủy bỏ giấy tờ đó và ghi giấy tờ mới, không cấp cho người dân giấy tờ hộ tịch đã bị sửa chữa.

3. Sau khi đăng ký hộ tịch mà phát hiện sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc do lỗi của người yêu cầu đăng ký hộ tịch thì phải tiến hành thủ tục cải chính hộ tịch theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

Câu 54. Pháp luật hộ tịch quy định việc cập nhật, điều chỉnh thông tin hộ tịch cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử như thế nào?

Trả lời:

Việc cập nhật, điều chỉnh thông tin hộ tịch cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được quy định như sau:

- Các sự kiện hộ tịch của cá nhân ngay sau khi đăng ký vào Sổ hộ tịch đều phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Cơ quan đăng ký hộ tịch chịu trách nhiệm về mọi thông tin hộ tịch được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

- Trường hợp thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khác với thông tin trong Sổ hộ tịch thì phải điều chỉnh cho phù hợp với Sổ hộ tịch.

Câu 55. Việc quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải dựa trên những nguyên tắc nào?

Trả lời:

Việc quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch được quản lý, bảo mật, bảo đảm an toàn; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch có trách nhiệm bảo đảm bí mật cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

Câu 56. Sổ hộ tịch được lập, giấy tờ hộ tịch được cấp trước ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực có giá trị sử dụng như thế nào?

Trả lời:

Sổ hộ tịch được lưu trữ trước ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực vẫn có giá trị làm căn cứ chứng minh sự kiện hộ tịch của cá nhân, tra cứu, cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Giấy tờ hộ tịch đã cấp cho cá nhân theo quy định của pháp luật về hộ tịch trước ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực vẫn có giá trị sử dụng.

Câu 57. Công chức làm công tác hộ tịch bao gồm những người nào?

Trả lời:

Công chức làm công tác hộ tịch bao gồm công chức tư pháp - hộ tịch ở cấp xã; công chức làm công tác hộ tịch ở Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện.

Câu 58. Theo quy định thì công chức làm công tác hộ tịch phải có các tiêu chuẩn nào?

Trả lời:

Công chức làm công tác hộ tịch phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã phải có trình độ từ trung cấp luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch; Có chữ viết rõ ràng và trình độ tin học phù hợp theo yêu cầu công việc.

- Công chức làm công tác hộ tịch tại Phòng Tư pháp phải có trình độ cử nhân luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

- Viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

Câu 59. Nhiệm vụ, quyền hạn của công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Trong lĩnh vực hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tuân thủ quy định của Luật Hộ tịch và các quy định khác của pháp luật có liên quan về hộ tịch;

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã và pháp luật về việc đăng ký hộ tịch;

- Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch;

- Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký hộ tịch kịp thời, chính xác, khách quan, trung thực; cập nhật đầy đủ các sự kiện hộ tịch đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử;

- Chủ động kiểm tra, rà soát để đăng ký kịp thời việc sinh, tử phát sinh trên địa bàn.

Đối với địa bàn dân cư không tập trung, điều kiện đi lại khó khăn, cách xa trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã cho tổ chức đăng ký lưu động đối với việc khai sinh, kết hôn, khai tử;

- Thường xuyên trau dồi kiến thức pháp luật để nâng cao năng lực và nghiệp vụ đăng ký hộ tịch; tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan tư pháp cấp trên tổ chức;

- Chủ động báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp với cơ quan, tổ chức kiểm tra, xác minh về thông tin hộ tịch; yêu cầu cơ quan, tổ chức,

cá nhân cung cấp thông tin để xác minh khi đăng ký hộ tịch; phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp cung cấp thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Câu 60. Luật Hộ tịch quy định công chức làm công tác hộ tịch không được làm những việc nào?

Trả lời:

Những việc công chức làm công tác hộ tịch không được làm gồm:

- Cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, trì hoãn, gây khó khăn, phiền hà, nhận hối lộ khi đăng ký, quản lý hộ tịch.

- Thu lệ phí hộ tịch cao hơn mức quy định hoặc đặt ra các khoản thu khi đăng ký hộ tịch.

- Đặt ra thủ tục, giấy tờ, có ý kéo dài thời hạn giải quyết đăng ký hộ tịch trái quy định của Luật Hộ tịch.

- Tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

- Đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái quy định của Luật Hộ tịch.

- Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật cá nhân mà biết được qua đăng ký hộ tịch.

Công chức làm công tác hộ tịch vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

PHẦN 2: Tình huống, giới thiệu một số tình huống thường gặp trong công tác đăng ký khai sinh; kết hôn; khai tử; nhận cha mẹ con; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; nuôi con nuôi

Tình huống 1: Trước đây anh A đăng ký hộ khẩu tại xã K, năm 2015 anh đã chuyển khẩu về xã D. Hiện nay, anh muốn xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đi đăng ký kết hôn lần đầu. Xin hỏi cơ quan nào có thẩm quyền cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho anh A? Trình tự, thủ tục giải quyết như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định về thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân như sau:

“Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của công dân Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Trường hợp công dân Việt Nam không có nơi thường trú, nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó đăng ký tạm trú cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”.

Đối chiếu với quy định trên thì UBND xã D là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho anh A.

- Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, cụ thể:

Người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nộp Tờ khai theo mẫu quy định. Trường hợp yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm mục đích kết hôn thì người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ hoặc chồng đã chết thì phải xuất trình hoặc nộp giấy tờ hợp lệ để chứng minh; nếu đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài thì nộp bản sao trích lục hộ tịch tương ứng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu. Nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu. Nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi đúng tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu và mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau, người đó có trách nhiệm chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình. Trường hợp người đó không chứng minh được thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã được yêu cầu tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu về tình trạng hôn nhân của người đó trong thời gian thường trú tại địa phương.

Ngay trong ngày nhận được văn bản trả lời, nếu thấy đủ cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người yêu cầu.

Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác hoặc do Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã hết thời hạn sử dụng theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó.

Như vậy, trong trường hợp của anh thì anh có liên hệ với UBND xã D để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

Tình huống 2. Chị A chung sống với anh T nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn nên anh T bỏ đi và không biết rằng chị A có thai với T. Sau khi sinh được một bé gái, chị A làm thủ tục khai sinh cho con, chị cho đưa bé mang họ mẹ và trong giấy khai sinh của cháu không có tên người cha. Gần đây, T biết chị A sinh con, qua tìm hiểu biết đó là con mình nên T đã quay lại xin nhận con (*nhưng vẫn không muốn đăng ký kết hôn*). Chị A đồng ý cho anh T nhận con gái. Tuy nhiên, chị A băn khoăn không biết chị có thể bổ sung tên T là cha vào giấy khai sinh của đưa bé không? Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết việc này?

Trả lời:

Nếu anh T muốn nhận con thì anh cần phải làm thủ tục đăng ký nhận cha cho con. Tại Điều 19 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định về đăng ký nhận cha, mẹ, con như sau:

– Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) để chứng minh về nhân thân và trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã; hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con gồm các giấy tờ sau đây:

+ Tờ khai nhận cha, mẹ, con theo mẫu quy định;

+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ cha – con hoặc quan hệ mẹ – con;

– Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ, niêm yết việc nhận cha, mẹ, con tại trụ sở Ủy ban nhân dân và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc.

– Nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, cùng người có yêu cầu ký, ghi rõ họ tên vào Sổ hộ tịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký cấp cho mỗi bên 01 bản chính trích lục hộ tịch.

Khi đăng ký việc nhận cha, mẹ, con, các bên cha, mẹ, con phải có mặt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho mỗi bên một bản chính Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh cho người con sẽ căn cứ Quyết định này để ghi bổ sung phần khai về cha, mẹ trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh của người con.

Như vậy, sau khi có quyết định công nhận việc nhận cha, con. Anh chị có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền ghi bổ sung tên người cha vào giấy khai sinh của cháu, UBND cấp xã nơi chị A đã đăng ký khai sinh cho con sẽ ghi bổ sung phần khai về cha trong sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh của con.

Tình huống 3. Trước đây, khi đăng ký khai sinh, anh T đặt tên cho con là Phạm Nguyệt Lan. Khi con được 6 tháng tuổi, vợ chồng anh T cho con về quê nội thăm ông bà, họ hàng. Tuy nhiên, khi nghe tên đầy đủ của cháu, thì thấy trùng tên của bà cô tổ trong họ nên ông nội cháu yêu cầu phải đổi tên cho cháu, tránh phạm húy tới các bậc tiền bối. Trong trường hợp này, vợ chồng anh T có thể thay đổi tên cho con được không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật dân sự năm 2015 thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp sau đây:

- Theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó;

- Theo yêu cầu của cha nuôi, mẹ nuôi về việc thay đổi tên cho con nuôi hoặc khi người con nuôi thôi làm con nuôi và người này hoặc cha đẻ, mẹ đẻ yêu cầu lấy lại tên mà cha đẻ, mẹ đẻ đã đặt;

- Theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người con khi xác định cha, mẹ cho con;

- Thay đổi tên của người bị lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống của mình;

- Thay đổi tên của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để phù hợp với pháp luật của nước mà vợ, chồng người nước ngoài là công dân hoặc lấy lại tên trước khi thay đổi;

- Thay đổi tên của người đã xác định lại giới tính, người đã chuyển đổi giới tính;

- Trường hợp khác do pháp luật về hộ tịch quy định.

Việc thay đổi tên cho người từ đủ chín tuổi trở lên phải có sự đồng ý của người đó.

Việc thay đổi tên của cá nhân không làm thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự được xác lập theo tên cũ.

Căn cứ vào quy định trên của pháp luật, thì với tư cách là cha mẹ đẻ của cháu bé (hiện cháu dưới 9 tuổi), vợ chồng anh chị có quyền được yêu cầu thay đổi tên cho con.

Tình huống 4. Một buổi sáng, chị H khi mở cổng đi tập thể dục buổi sáng phát hiện một chiếc làn đặt trước cổng, bên trong có 1 bé trai sơ sinh khoảng hơn 1 tháng tuổi, bên cạnh có mấy bộ đồ trẻ sơ sinh và không có giấy tờ gì khác. Thấy thương cho cháu bé, trong khi chị lại có điều kiện nên chị đề nghị trong thời gian đợi làm các thủ tục cần thiết, được chăm sóc cháu. Vậy, trong thời gian chăm sóc cháu bé, chị H có phải làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu không?

Trả lời:

Quyền được khai sinh là một trong những quyền quan trọng của trẻ em ngay từ khi sinh ra và được quy định trong các văn bản pháp luật của nước ta. Đăng ký khai sinh cho trẻ em không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của những cá nhân, tổ chức có thẩm quyền.

Tại Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định về đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi như sau:

“1. Người phát hiện trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm bảo vệ trẻ và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi. Trường hợp trẻ bị bỏ rơi tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo.

Ngay sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giao trẻ cho cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

Biên bản phải ghi rõ thời gian, địa điểm phát hiện trẻ bị bỏ rơi; đặc điểm nhận dạng như giới tính, thể trạng, tình trạng sức khỏe; tài sản hoặc đồ vật khác của trẻ, nếu có; họ, tên, giấy tờ chứng minh nhân thân, nơi cư trú của người phát hiện trẻ bị bỏ rơi. Biên bản phải được người lập, người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập.

Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại cơ quan lập, một bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ.

2. Sau khi lập biên bản theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 7 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi.

3. Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ. Cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em. Thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch”.

Căn cứ vào quy định trên của pháp luật, chị H sẽ tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ khi được Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo.

Tình huống 5. Sau gần 05 năm xa quê lập nghiệp và đã chuyển hộ khẩu vào một tỉnh ở phía Nam, đến nay anh B mới ra Lai Châu thăm bố mẹ. Chẳng may, ngày 02/6/2018, anh B mất trong một vụ tai nạn giao thông khi đang điều khiển xe máy từ nhà bố mẹ đẻ sang bên nhà một người chú ruột. Vậy xin hỏi, trường hợp của anh B phải đăng ký khai tử ở đâu? Trình tự, thủ tục thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh và khi chết phải được khai tử. Đăng ký khai tử là một thủ tục hành chính pháp lý nhằm thông báo với chính quyền địa phương khi có người thân qua đời. Cụ thể như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền đăng ký khai tử: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử. Như vậy, anh B đã chuyển hộ khẩu vào một tỉnh phía Nam thì UBND xã nơi cư trú cuối cùng của anh B có thẩm quyền đăng ký khai tử trong trường hợp này.

2. Thủ tục đăng ký khai tử

- Người có trách nhiệm đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Ngay sau khi nhận giấy tờ theo quy định nêu trên, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người đi khai tử ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người đi khai tử.

Công chức tư pháp - hộ tịch khóa thông tin hộ tịch của người chết trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

3. Nội dung đăng ký khai tử được xác định theo Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền sau đây cấp:

- Nếu anh B chết tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế cấp Giấy báo tử;

- Nếu anh B chết trên phương tiện giao thông, chết do tai nạn thì văn bản xác nhận của cơ quan công an hoặc kết quả giám định của Cơ quan giám định pháp y thay Giấy báo tử.

Tình huống 6. Anh A là dân tộc Thái, quê quán tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; còn chị B là người dân tộc Kinh, quê quán tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn với nhau, anh chị về sinh sống tại quê hương của chị B là tỉnh Thái Bình. Các con anh chị sinh ra lấy dân tộc và quê quán theo bố. Nay, con trai anh A là cháu X đã 22 tuổi muốn xác định lại dân tộc theo mẹ thì có được không? Cơ quan nào có thẩm quyền xác định lại dân tộc?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Bộ luật dân sự 2015 thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trong trường hợp sau đây:

- Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau;

- Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp con nuôi đã xác định được cha đẻ, mẹ đẻ của mình.

- Việc xác định lại dân tộc cho người từ đủ mười lăm tuổi đến dưới mười tám tuổi phải được sự đồng ý của người đó.

- Cấm lợi dụng việc xác định lại dân tộc nhằm mục đích trục lợi hoặc gây chia rẽ, phương hại đến sự đoàn kết của các dân tộc Việt Nam.

Do đó, nếu việc xác định dân tộc của anh X không vì lý do nhằm mục đích trục lợi hoặc gây chia rẽ, phương hại đến sự đoàn kết của các dân tộc Việt Nam thì anh có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác định lại dân tộc cho mình.

Cũng theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Luật hộ tịch thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của anh X có thẩm quyền xác định lại dân tộc cho anh.

Tình huống 7. Tôi bị mất giấy chứng nhận kết hôn, bây giờ muốn xin cấp lại được không? Trình tự, thủ tục thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Khi bạn bị mất bản chính giấy chứng nhận kết hôn, sẽ có 02 trường hợp xảy ra như sau:

- **Trường hợp 1:** Ủy ban nhân dân nơi bạn đã đăng ký kết hôn trước đây còn lưu giữ Sổ đăng ký kết hôn có thông tin đăng ký kết hôn của bạn.

Trong trường hợp này, bạn được cấp bản sao trích lục kết hôn theo quy định tại Điều 63 Luật Hộ tịch năm 2014. Cụ thể, Điều 63 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định: “Cá nhân không phụ thuộc vào nơi cư trú có quyền yêu cầu Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch về sự kiện hộ tịch của mình đã được đăng ký”.

Thủ tục cấp bản sao trích lục kết hôn được quy định tại Điều 64 Luật Hộ tịch năm 2014 như sau:

“1. Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp hoặc thông qua người đại diện gửi tờ khai theo mẫu quy định cho Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch của cá nhân thì gửi văn bản yêu cầu nêu rõ lý do cho Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

2. Ngay sau khi nhận được yêu cầu, nếu đủ điều kiện thì Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch cho người yêu cầu”.

- **Trường hợp 2:** Ủy ban nhân dân nơi bạn đã đăng ký kết hôn trước đây không lưu giữ được Sổ đăng ký kết hôn.

Theo Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, việc khai sinh, kết hôn, khai tử đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất thì được đăng ký lại.

Trường hợp này, bạn có thể đăng ký lại việc kết hôn để được cấp bản chính giấy chứng nhận kết hôn.

Về thẩm quyền đăng ký lại kết hôn, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định:

“Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh, kết hôn trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú, thực hiện đăng ký lại khai sinh, kết hôn”.

Về thủ tục đăng ký lại kết hôn:

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký lại kết hôn như sau:

a) Tờ khai theo mẫu quy định;

b) Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu thấy hồ sơ đăng ký lại kết hôn là đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký lại kết hôn như trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Hộ tịch.

Nếu việc đăng ký lại kết hôn thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đã đăng ký kết hôn trước đây thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ sổ hộ tịch tại địa phương.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký kết hôn trước đây tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được sổ hộ tịch.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký kết hôn, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc đăng ký lại kết hôn theo quy định.

Tình huống 8: Cho tôi hỏi hiện nay trong giấy khai sinh của tôi, phần tên của mẹ tôi bị sai, tôi muốn sửa lại phải làm thế nào?

Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch quy định: "*Cải chính hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch là việc chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch*".

Nếu bạn có giấy tờ, tài liệu (Giấy khai sinh, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu... của mẹ bạn) để chứng minh có sai sót thông tin của mẹ bạn trong Giấy khai sinh của bạn thì bạn có thể thực hiện cải chính hộ tịch.

Thẩm quyền cải chính hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi bạn đang cư trú hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây (nếu bạn từ đủ 14 tuổi trở lên) theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Luật hộ tịch.

Tình huống 9. Anh T sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Lai Châu. Từ năm 2016, anh T làm công nhân tại tỉnh Thái Bình. Tới đây, anh chuẩn bị kết hôn với chị H, người tại địa phương, cùng làm công nhân tại công ty. Tuy nhiên, do không có điều kiện về quê xin Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nên muốn nhờ bố mẹ đẻ - những người

đang cùng có tên trong sổ hộ khẩu với anh, hiện đang sinh sống tại xã X đến Ủy ban nhân dân xã xin cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thì có được không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp, người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 của Luật hộ tịch được uỷ quyền cho người khác thực hiện thay, trừ trường hợp đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn, đăng ký nhận cha, mẹ, con.

Do đó, anh T có thể uỷ quyền cho bố hoặc mẹ anh, những người đang ở có tên cùng sổ hộ khẩu với anh tại xã X đến Ủy ban nhân dân xã xin cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho anh.

Tình huống 10. Vợ chồng ông B, bà C cư trú tại xã X, huyện Z, tỉnh Lai Châu, dân tộc Thái. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, lại đông con nên vợ chồng ông bà đồng ý cho con trai là cháu H – 3 tuổi, là con thứ bảy của ông bà làm con nuôi vợ chồng ông M, bà K, hiện đang cư trú tại xã Y, huyện Z, tỉnh Lai Châu. Để sau này cháu H lớn lên gắn bó tình cảm gia đình với cha mẹ nuôi, vợ chồng ông M, bà K muốn đổi họ tên cũng như dân tộc của cháu theo họ, dân tộc của cha nuôi thì có được không? Nếu được, thì trình tự, thủ tục được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Họ, tên và dân tộc là những đặc điểm nhân thân cơ bản, có tính ổn định, thể hiện nguồn gốc và huyết thống của mỗi cá nhân, gắn liền với mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời, được xác định trên Giấy khai sinh và chỉ có thể thay đổi trong những trường hợp đặc biệt do pháp luật quy định.

- Đối với việc thay đổi họ, tên:

Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 27 Bộ luật dân sự năm 2015 thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi họ trong trường hợp thay đổi họ cho con nuôi từ họ của cha đẻ hoặc mẹ đẻ sang họ của cha nuôi hoặc họ của mẹ nuôi theo yêu cầu của cha nuôi, mẹ nuôi.

Cũng tại Khoản 2 Điều 24 Luật nuôi con nuôi năm 2010 quy định: “*Theo yêu cầu của cha mẹ nuôi, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc thay đổi họ tên của con nuôi. Việc thay đổi họ, tên của con nuôi từ đủ 09 tuổi trở lên phải được sự đồng ý của người đó.*”

Như vậy sau khi nhận nuôi con nuôi thì ông M, bà K có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi họ tên của con nuôi là cháu H. Để làm thay

đổi họ, tên của cháu H, ông bà có thể đến UBND cấp xã, nơi cháu đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cháu để đề nghị giải quyết.

- Đối với việc thay đổi dân tộc của cháu H:

Xác định lại dân tộc là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký xác định lại dân tộc của cá nhân theo quy định của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Bộ luật dân sự 2015 thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trong trường hợp sau đây:

- Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau;

- Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp con nuôi đã xác định được cha đẻ, mẹ đẻ của mình.

Như vậy, pháp luật không quy định việc cho phép xác định lại dân tộc của một người từ dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ sang dân tộc của cha nuôi hoặc mẹ nuôi. Chính vì vậy, ông M, bà K không thể đề nghị cơ quan nhà nước thay đổi dân tộc của cháu H.

Tình huống 11. Theo quyết định cho ly hôn của Tòa án, chị C được quyền nuôi con (cháu mới hơn 08 tuổi) và chị C muốn đổi họ của con theo họ của chị. Vậy chị C có quyền được đổi họ cho con không? Thủ tục thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Có họ, tên là quyền của mỗi cá nhân. Theo quy định tại Điều 27 Bộ luật dân sự 2015 thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi họ trong trường hợp sau đây:

a) Thay đổi họ cho con đẻ từ họ của cha đẻ sang họ của mẹ đẻ hoặc ngược lại;

b) Thay đổi họ cho con nuôi từ họ của cha đẻ hoặc mẹ đẻ sang họ của cha nuôi hoặc họ của mẹ nuôi theo yêu cầu của cha nuôi, mẹ nuôi;

c) Khi người con nuôi thôi làm con nuôi và người này hoặc cha đẻ, mẹ đẻ yêu cầu lấy lại họ cho người đó theo họ của cha đẻ hoặc mẹ đẻ;

d) Thay đổi họ cho con theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc của con khi xác định cha, mẹ cho con;

đ) Thay đổi họ của người bị lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống của mình;

e) Thay đổi họ theo họ của vợ, họ của chồng trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để phù hợp với pháp luật của nước mà vợ, chồng người nước ngoài là công dân hoặc lấy lại họ trước khi thay đổi;

g) Thay đổi họ của con khi cha, mẹ thay đổi họ;

h) Trường hợp khác do pháp luật về hộ tịch quy định.

Việc thay đổi họ cho người từ đủ chín tuổi trở lên phải có sự đồng ý của người đó.

Việc thay đổi họ của cá nhân không làm thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự được xác lập theo họ cũ”.

Căn cứ vào quy định trên của pháp luật, thì chị C có thể đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi họ cho con. Tuy nhiên, khi làm thủ tục thay đổi họ cho con trong Tờ khai cần có ý kiến đồng ý của người cha, vì tuy anh chị đã ly hôn nhưng không phải vì đó mà chồng cũ của chị mất các đi các quyền và nghĩa vụ đối với con.

Mặt khác, theo quy định tại Điều 27 Luật hộ tịch thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cháu bé có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi.

*** Thủ tục đăng ký thay đổi hộ tịch gồm các bước sau:**

1. Người yêu cầu đăng ký thay đổi hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định nêu trên, nếu thấy việc thay đổi hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi hộ tịch ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trường hợp thay đổi hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh.

Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

3. Trường hợp đăng ký thay đổi hộ tịch không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.

Trường hợp nơi đăng ký hộ tịch trước đây là Cơ quan đại diện thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch.

Do vậy, chị C có thể căn cứ vào quy định pháp luật nêu trên để thực hiện thay đổi họ cho con.

Tình huống 12. Do hỏa hoạn, toàn bộ giấy tờ của gia đình chị H bị mất. Chị H đã đến UBND xã (nơi đăng ký khai sinh cho con chị H trước đây) đề nghị đăng ký lại việc sinh cho con, nhưng công chức Tư pháp hộ tịch xã từ chối thực hiện vì lý do Sổ hộ tịch không còn lưu trữ thông tin của cháu và hướng dẫn chị lên Phòng tư pháp huyện để làm thủ tục cấp lại. Xin hỏi, việc làm của cán bộ tư pháp - hộ tịch có đúng quy định hay không?

Trả lời:

Việc làm của cán bộ tư pháp - hộ tịch là không đúng quy định pháp luật vì theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP thì việc khai sinh, kết hôn, khai tử đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất thì được đăng ký lại.

Mặt khác, tại Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định thủ tục đăng ký lại khai sinh như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký lại khai sinh gồm các giấy tờ sau đây:

a) Tờ khai theo mẫu quy định, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã đăng ký khai sinh nhưng người đó không lưu giữ được bản chính Giấy khai sinh;

b) Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có các thông tin liên quan đến nội dung khai sinh của người đó;

c) Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì ngoài các giấy tờ theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu việc đăng ký lại khai sinh là đúng theo quy định của pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký lại khai sinh như trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch.

Nếu việc đăng ký lại khai sinh được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân nơi

đăng ký khai sinh trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ sổ hộ tịch tại địa phương.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký khai sinh trước đây tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được sổ hộ tịch.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký khai sinh, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc đăng ký lại khai sinh theo quy định.

4. Trường hợp người yêu cầu có bản sao Giấy khai sinh trước đây được cấp hợp lệ thì nội dung đăng ký khai sinh được ghi theo nội dung bản sao Giấy khai sinh; phần khai về cha, mẹ được ghi theo thời điểm đăng ký lại khai sinh.

5. Trường hợp người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên; riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.”

Như vậy, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký khai sinh cho con chị H trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của con chị H là cơ quan có thẩm quyền đăng ký lại việc sinh, công chức tư pháp hộ tịch cần căn cứ quy định nêu trên để thực hiện các thủ tục cần thiết đăng ký lại việc sinh cho con chị H.

Tình huống 13. Qua thời gian tìm hiểu, anh A và chị B quyết định tiến tới hôn nhân. Tuy nhiên, gia đình 2 bên phản đối quyết liệt và đề nghị UBND xã không đăng ký cho họ với lý do anh A và chị B có họ với nhau (*bà nội anh A và bà ngoại chị B là 2 chị em họ*). Cho hỏi trường hợp này giải quyết ra sao?

Trả lời:

Tại Điểm d Khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cấm kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời (*là giữa những người có cùng 1 gốc sinh ra, trong đó: Cha mẹ là đời thứ nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ 2; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ 3*).

Đối chiếu với quy định trên thì bà nội anh A và bà ngoại chị B là 2 chị em họ trong phạm vi đời thứ 3; bố anh A và mẹ chị B có họ ở đời thứ 4; anh A và

chị B tuy có quan hệ họ hàng nhưng đã ở đời thứ 5 nên nếu có đủ điều kiện (*độ tuổi, tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn: đang có vợ, chồng; mất năng lực hành vi dân sự...*) thì họ được phép kết hôn với nhau, không ai được cưỡng ép hay cản trở.

Do đó, UBND xã không thể từ chối đăng ký kết hôn cho anh A và chị B theo đề nghị của hai bên gia đình được.

Tình huống 14. Chị L là giáo viên, sinh sống và dạy học tại xã A. Để tiện cho việc đăng ký kết hôn với người yêu ở xã B chị đã nhờ nhà trường xác nhận chị còn độc thân. Khi anh chị đến đăng ký tại UBND xã B cán bộ Tư pháp – Hộ tịch nói rằng Giấy xác nhận độc thân do nhà trường cấp là không hợp lệ, chị L phải có xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã A thì mới giải quyết. Yêu cầu của UBND xã trên có đúng không? Vì sao?

Trả lời:

- Việc UBND xã B không chấp nhận việc xác nhận chị L còn độc thân của nhà trường mà yêu cầu chị phải có xác nhận của UBND xã nơi cư trú là đúng vì theo quy định tại Điều 21 Nghị định 123/2015/NĐ-CP thì: “*Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của công dân Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp công dân Việt Nam không có nơi thường trú, nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó đăng ký tạm trú cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân*”

Do đó, chị L phải xin Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại UBND xã A nơi chị cư trú.

Tình huống 15. Anh A chuyển công tác và hộ khẩu từ huyện lên thành phố, còn vợ anh vẫn công tác và đăng ký hộ khẩu ở huyện. Gần đến ngày sinh, vợ anh lên sinh con tại Bệnh viện tỉnh và ở cùng với anh tại thành phố. Khi cháu bé được 3 tháng tuổi, anh đến UBND phường nơi anh đã có hộ khẩu để đăng ký khai sinh cho con nhưng công chức Tư pháp - Hộ tịch phường từ chối và hướng dẫn anh về nơi vợ anh có hộ khẩu thường trú để đăng ký khai sinh cho con. Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường hướng dẫn vậy đúng hay sai?

Trả lời:

Tại Điều 13 của Luật hộ tịch quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh. Như vậy, theo quy định trên thì công chức tư pháp – hộ tịch từ chối đăng ký khai sinh cho cháu bé và hướng dẫn anh về nơi vợ anh có hộ khẩu thường trú để đăng ký khai sinh cho con là không đúng quy định.

Tình huống 16. Chồng chị A không may bị chết do tai nạn giao thông, để lại 2 con (1 cháu trai 7 tuổi và 1 cháu gái 2 tuổi). Thương các cháu sớm mồ côi cha và muốn chia sẻ bớt gánh nặng cho em gái, chị M - chị gái của chị A nghĩ muốn nhận cháu gái 2 tuổi làm con nuôi của gia đình mình và được chị A đồng ý. Vậy, để được nhận cháu làm con nuôi, chị M. cần có những điều kiện gì?

Trả lời:

Tại Khoản 3 Điều 8; Điều 14 Luật Nuôi con nuôi quy định: Chị M muốn nhận cháu gái 2 tuổi làm con nuôi thì phải có đủ những điều kiện sau:

- Phải được sự đồng ý của chồng chị (nếu chị đã có chồng) bởi *“Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng”*;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có tư cách đạo đức tốt.

- Không thuộc trường hợp không được nhận con nuôi, gồm:

+ Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

+ Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù;

+ Chưa được xóa án tích về 1 trong các tội: Cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự người khác; Ngược đãi, hành hạ ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; Dụ dỗ, ép buộc, chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; Mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Ngoài ra, người nhận nuôi phải có thêm điều kiện hơn con nuôi 20 tuổi trở lên và có điều kiện sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi. Tuy nhiên, vì chị M thuộc trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi nên sẽ được miễn điều kiện này.

Tình huống 17. Cháu H (14 tuổi), mồ côi cả cha lẫn mẹ từ nhỏ, hiện đang sống với bà nội. Hoàn cảnh của 02 bà cháu rất khó khăn, bà nội đã già không đủ sức khỏe để chăm lo cho cháu, thấy vậy dì ruột của cháu (hiện cư trú trong nước) và cô ruột cháu (hiện định cư ở nước ngoài) đều nghĩ muốn nhận cháu làm con nuôi. Trong trường hợp này, việc nhận nuôi con nuôi phải có sự đồng ý của ai? Ai sẽ được nhận cháu H làm con nuôi? Vì sao?

Trả lời:

Theo quy định Luật Nuôi con nuôi thì: Vì cha mẹ đẻ của cháu H không còn nên việc nhận nuôi con nuôi phải có sự đồng ý của cả người giám hộ (bà nội H) và của H vì H. đã trên 9 tuổi.

- Trong trường hợp có nhiều người cùng nhận nuôi một người thì phải xét theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Cha đẻ, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;

+ Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước;

+ Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;

+ Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài.

Trường hợp có nhiều người cùng hàng ưu tiên xin nhận một người làm con nuôi thì xem xét, giải quyết cho người có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi tốt nhất.

Do đó, việc cháu H. được nhận làm con nuôi của ai phụ thuộc vào sự đồng ý của bà nội và của cháu H, đồng thời có xem xét giữa dì ruột và cô ruột của cháu (*những người cùng hàng ưu tiên*) xem ai là người có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu tốt nhất.

Tình huống 18. Gia đình anh H có 5 người con (2 trai và 3 gái), cuộc sống rất khó khăn, các con đều đang tuổi học hành, vì vậy gia đình anh đã cho cháu A là con thứ tư của gia đình làm con nuôi của bà C, khi cháu mới 6 tuổi (*việc nuôi con nuôi này đã được đăng ký*). Khi cháu A lên 9 tuổi, gia đình bà C lại đang rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Lúc này, kinh tế gia đình bố mẹ đẻ cháu A đã ổn định, nên anh chị muốn đón cháu về, không cho cháu làm con nuôi bà C nữa nhưng cả cháu A và bà C đều không đồng ý.

Bố mẹ cháu A muốn biết việc nuôi con nuôi bị chấm dứt trong trường hợp nào và cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết? Liệu việc nuôi con nuôi giữa bà C và cháu A có bị chấm dứt theo yêu cầu của bố mẹ đẻ cháu không?

Trả lời:

Tại Điều 13 và Điều 25 Luật Nuôi con nuôi quy định:

- Việc nuôi con nuôi bị chấm dứt khi thuộc một trong những trường hợp sau:

+ Con nuôi đã thành niên và cha mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi;

+ Một bên bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự; ngược đãi, hành hạ bên kia; hoặc con nuôi có hành vi phá tán tài sản của cha mẹ nuôi; hoặc cha mẹ nuôi có sự phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi.

+ Lợi dụng việc nuôi con nuôi để: Trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục; bắt cóc, mua bán trẻ em; hoặc vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

+ Lợi dụng việc cho làm con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số; lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước.

+ Giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi.

+ Ông, bà nhận cháu làm con nuôi; anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi.

Như vậy, theo quy định trên bố mẹ đẻ của cháu A không có quyền yêu cầu chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi giữa bà C và cháu A, vì quan hệ nuôi con nuôi này không có căn cứ để chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Tình huống 19. Tôi tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 29/02/1983. Tuy nhiên năm 2002 khi tôi thi đỗ đại học nộp hồ sơ thì nhà trường báo với tôi là tháng 02 năm 1983 không có ngày 29. Trong trường hợp này cho tôi hỏi tôi phải làm gì? Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết trường hợp của tôi?

Trả lời:

Theo quy định của pháp luật thì việc cải chính nội dung trong bản chính Giấy khai sinh, đặc biệt là cải chính ngày, tháng, năm sinh, chỉ được giải quyết đối với những trường hợp có đủ cơ sở để xác định rằng khi đăng ký khai sinh có sự sai sót do ghi chép của cán bộ Tư pháp - Hộ tịch hoặc do đương sự khai báo nhầm lẫn; còn trường hợp yêu cầu cải chính nội dung trong bản chính Giấy khai sinh do đương sự cố tình sửa chữa sai sự thật đã đăng ký trước đây để hợp thức hóa hồ sơ, giấy tờ cá nhân hiện tại, thì không giải quyết.

Đối với trường hợp bạn, do nhầm lẫn khi đi đăng ký khai sinh nên ghi ngày sinh là 29/02/1983, nhưng trên thực tế năm 1983 lại không có ngày này, thì theo quy định của pháp luật trường hợp của bạn sẽ được cải chính ngày sinh trong bản chính Giấy khai sinh đó.

Vì bạn đã trên 14 tuổi nên cơ quan có thẩm quyền cải chính ngày sinh cho bạn là UBND cấp huyện nơi bạn đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi bạn hiện đang cư trú.